TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 9 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Th, sinh năm 1934, nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ hiện tại: quận Đ, thành phố Hà Nội; Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1943, địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đỗ Thị P tự nguyện lấy nhau, có đăng

ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Thọ Xuân vào ngày 13/5/2010. Sau khi kết hôn ông bà cùng chung sống ở xã X được hơn 10 năm, đến tháng 7/2021 ông bà xảy ra mâu thuẫn, bà P hỗn láo với ông, đuổi ông ra khỏi nhà, nên ông đã phải gọi điện cho con trai riêng của ông về đón ông ra Hà Nội ở, làm ảnh hưởng đến tâm lý và sức khỏe của ông. Từ khi ông ra Hà Nội ở đến nay đã hơn 10 tháng và không còn qua lại, liên hệ gì với bà P. Nay ông xác định không còn tình cảm, vợ chồng không thể hòa hợp, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Ông Th xác định vợ chồng không có con chung, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/7/2022, bị đơn là bà Đỗ Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Th tự nguyện tìm hiểu, kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X vào năm 2010, chung sống với nhau đến năm 2021, thì ông Th bỏ đi không Th báo với bà một lời nào, từ đó đến nay ông bà ly thân. Nay ông Th yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Bà P xác định vợ chồng không có con chung, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 17/8/2022, đại diện Ủy ban nhân xã X cho biết: Ông Trần Th và bà Đỗ Thị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 13/5/2010. Trước khi ông Th và bà P kết hôn thì ông Th và bà P đã có con riêng. Qúa trình chung sống với nhau, ông Th và bà P không có con chung; hiện tại ông Th đang chung sống cùng con riêng ở Hà Nội, còn bà P đang sinh sống ở địa phương. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông Th và bà P địa phương không nắm bắt được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Th, Về hôn nhân: Xử cho ông Trần Th được ly hôn với bà Đỗ Thị P. Về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Th khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với bà Đỗ Thi P, cư trú tại: Thôn L, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là bà Đỗ Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt; Nguyên đơn là ông Trần Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Th và bà Đỗ Thị P tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thọ Xuân cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/5/2010, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà P là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình; giữa vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng và chia sẻ với nhau, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 7/2021 vợ chồng đã ly thân đến nay, không còn qua lại quan tâm đến nhau. Qúa trình giải quyết vụ án, ông Th vẫn một mực đề nghị giải quyết xin được ly hôn; còn bà P cũng có lời khai thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của ông Trần Th, xử cho ông Trần Th được ly hôn với bà Đỗ Thị P.

[3] Về con chung: Ông Trần Th và bà Đỗ Thị P đều xác định vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Ông Trần Th và bà Đỗ Thị P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là ông Trần Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, xét ông Th là người cao tuổi, nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Th. Do đó cần hoàn trả cho ông Trần Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 19, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Trần Th được ly hôn với bà Đỗ Thị P.

2. Về con chung: Ông Trần Th và bà Đỗ Thị P không có con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Ông Trần Th và bà Đỗ Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Th.

Hoàn trả cho ông Trần Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014325 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến